

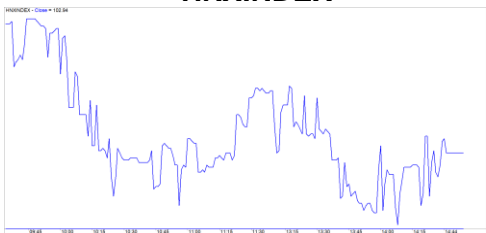
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	966.18	102.94	55.73
% ngày	-0.21%	0.22%	0.38%
% tuần	0.27%	0.43%	-0.34%
% tháng	-4.60%	-3.97%	-1.92%
% năm	0.62%	-4.06%	3.45%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,121	371	203
TB 1 tuần	4,402	314	186
TB 1 tháng	4,571	298	222
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	415.58	2.22	44.13
Bán	399.97	18.44	42.29
Giá trị ròng	15.60	-16.22	1.84
Độ rộng TT			
Mã Tăng	141	58	178
Mã Giảm	142	54	115
Không Đổi	106	258	608
Chỉ số chính			
P/E	15.86	9.16	17.39
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,315	192	956
LS Cổ tức	1.86%	4.11%	4.23%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông tin Mỹ-Trung dần tiến tới một thoả thuận thương mại đợt 1 đã giúp tâm lý nhà đầu tư trên thế giới lạc quan, tuy nhiên diễn biến thị trường Việt Nam vẫn diễn ra khá thận trọng phiên cuối tuần. Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 0.21% dừng tại 966.18 điểm. Chỉ số HNX-Index và Upcom-Index ngược lại tăng lần lượt 0.22% và 0.39%. Giá trị giao dịch khớp lệnh tăng 400 tỷ so với phiên liền trước đạt mức 3,500 tỷ đồng trên cả ba sàn.

Mặc dù giảm về mặt điểm số nhưng giao dịch thị trường không quá nhàm chán nhờ đà tăng tích cực của các cổ phiếu Ngân hàng. Có thể kể tên, CTG tăng 2.2% dừng tại mốc 20,600 đồng/cp, BID tăng 2.2% dừng tại 41,900 đồng/cp, VCB và ACB cũng tăng lần lượt 1% và 0.9%. Ở chiều ngược lại, VRE giảm sốc 3.5% đóng cửa sát vùng đáy cũ quanh 35,000 đồng/cp, VHM giảm 2.3% đóng cửa tại 89,100 đồng/cp. Nhiều bluechip khác như VNM, HPG, NVL, SSI, CTD cũng giảm trên 1%. Đáng chú ý GMD tăng 2.2% ghi nhận phiên tăng mạnh thứ 2 liên tiếp nhưng xu hướng trung hạn vẫn đang khá tiêu cực. Dòng tiền đầu cơ giao dịch sôi động như HAR(+6.8%), HAI(+6.6%), AMD(+6.4%), FIT(+6.2%) trên HSX và ART(+8.3%), KLF(+6.7%), HUT(+4.2%)...trên HNX.

Khối ngoại có phiên giao dịch cân bằng trong phiên cuối tuần. Đáng chú ý, E1VFN30(56.2 tỷ) dẫn đầu ở chiều mua ròng cùng với CTG(40.7 tỷ), ROS(23.4 tỷ). Ở chiều ngược lại, HPG(38.6 tỷ), VHM(12 tỷ) là các mã bị bán ròng nhiều nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thanh khoản sẽ dần gia tăng trong tuần giao dịch tới và chỉ số VN-Index có thể sẽ giao dịch quanh mức 970 điểm trong các phiên giao dịch đầu tuần. Đồng thời, vùng giá 970 – 975 điểm vẫn được xem là vùng kháng cự mạnh trong ngắn hạn của chỉ số VN-Index và thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy. Điểm tích cực là tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là lựa chọn cổ phiếu phù hợp và gia tăng tỷ trọng cổ phiếu với khẩu vị rủi ro vừa phải và cao.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 974.05 điểm của chỉ số VN-Index và 103.69 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, trên quan điểm thận trọng, chúng tôi vẫn khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài và hạn chế giao dịch. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và vừa phải thì có thể xem xét tiếp tục gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới với tỷ trọng cổ phiếu khuyến nghị.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 43% cổ phiếu/57% tiền.

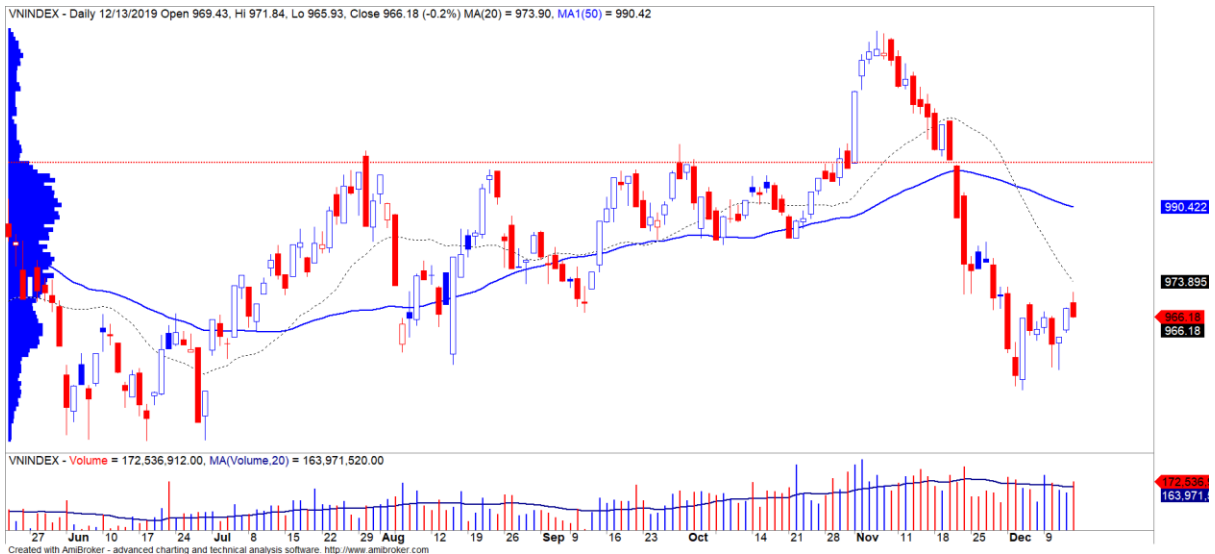
Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 38% cổ phiếu/62% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.10	GIẢM	GIẢM		14.47				15.40		
ACB	23.20	GIẢM	TĂNG		23.64			24.00	22.57	-3.33%	
ACV	75.10	TĂNG	GIẢM	74.00	72.31	1.49%			78.74		
ANV	23.00	TĂNG	GIẢM	22.95	20.96	0.22%			25.91		
ASM	6.71	TĂNG	GIẢM	6.71	6.57	0.00%	MUA		7.24		
BFC	12.00	GIẢM	GIẢM		13.23				16.05		
BID	41.90	TĂNG	TĂNG	41.90	41.27	0.00%	MUA	33.40	38.49	25.45%	
BMP	47.90	TĂNG	TĂNG	49.00	45.67	-2.24%		48.30	46.42	-0.83%	
BSR	8.80	GIẢM	GIẢM		9.28				10.51		
BVH	68.00	GIẢM	GIẢM		68.30				74.17		
BWE	24.85	TĂNG	GIẢM	17.40	23.62	42.82%			25.84		
CEO	9.30	TĂNG	GIẢM	9.30	9.09	0.00%	MUA		9.80		
CII	22.75	GIẢM	TĂNG		23.82			24.45	22.23	-6.95%	
CMG	36.80	GIẢM	TĂNG		38.64			23.20	34.96	58.62%	
CMX	15.20	GIẢM	GIẢM		16.21				20.03		
CSM	14.20	GIẢM	GIẢM		14.57			14.39	14.22	-1.15%	BÁN
CTD	62.00	GIẢM	GIẢM		66.35				75.63		
CTG	20.60	TĂNG	GIẢM	20.60	20.55	0.00%	MUA		21.78		
CTR	43.90	TĂNG	N/A	43.30	40.00	1.39%		-	N/A		
CVT	20.75	GIẢM	GIẢM		21.33				22.85		
DCM	6.60	GIẢM	GIẢM		6.78				7.30		
DGC	27.70	GIẢM	TĂNG		30.40			29.70	24.84	-6.73%	
DGW	23.80	GIẢM	GIẢM		24.40				25.88		
DHA	30.60	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-3.92%			32.52		
DHC	39.30	GIẢM	TĂNG		43.50			37.70	36.98	4.24%	
DHG	95.00	GIẢM	GIẢM		96.00				99.56		
DIG	13.70	TĂNG	GIẢM	13.70	13.03	0.00%			14.69		
DPG	44.40	GIẢM	GIẢM		46.01				50.61		
DPM	13.30	GIẢM	GIẢM		13.47				14.36		
DPR	44.50	TĂNG	TĂNG	37.60	42.34	18.35%		41.30	37.99	7.75%	
DQC	15.85	GIẢM	GIẢM		16.47				17.68		
DRC	22.95	TĂNG	TĂNG	23.30	22.63	-1.50%		21.60	21.25	6.25%	
DXG	14.30	GIẢM	GIẢM		14.60				16.12		
EIB	16.80	GIẢM	TĂNG		17.60			18.40	16.46	-8.70%	



We Create Fortune

FCN	10.25	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FMC	26.75	GIẢM	TĂNG		27.31			31.60	26.18	-15.35%	
FPT	57.10	TĂNG	TĂNG	57.00	54.68	0.18%		46.00	54.99	24.13%	
GAS	98.00	GIẢM	GIẢM		101.74				108.03		
GEX	19.75	GIẢM	GIẢM		20.48				21.53		
GIL	18.60	GIẢM	GIẢM		19.25				20.90		
GMD	23.60	TĂNG	GIẢM	23.60	23.60	0.00%	MUA		25.34		
GTN	21.40	TĂNG	TĂNG	21.70	21.06	-1.38%		15.00	18.98	42.67%	
GVR	12.50	GIẢM	N/A		13.07				N/A		
HAG	3.95	TĂNG	GIẢM	3.86	3.80	2.33%			4.22		
HAX	18.00	TĂNG	GIẢM	18.60	17.42	-3.23%			20.95		
HBC	11.10	GIẢM	GIẢM		11.61				12.77		
HCM	22.85	GIẢM	TĂNG		24.17			23.40	22.58	-2.35%	
HDB	27.95	TĂNG	GIẢM	27.30	26.69	2.38%			29.49		
HDC	22.50	GIẢM	TĂNG		22.73			15.25	20.25	47.54%	
HDG	32.90	TĂNG	GIẢM	32.95	31.04	-0.15%			35.72		
HNG	14.25	GIẢM	GIẢM		14.94				15.88		
HPG	23.80	TĂNG	TĂNG	23.45	23.39	1.49%		23.85	21.17	-0.21%	
HSG	8.38	TĂNG	TĂNG	8.40	7.88	-0.24%		7.75	6.98	8.13%	
HT1	15.45	TĂNG	TĂNG	15.25	14.53	1.31%		16.90	13.91	-8.58%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVN	34.60	GIẢM	GIẢM		35.30				36.93		
KBC	14.70	GIẢM	TĂNG		15.08			15.35	14.00	-4.23%	
KDH	27.10	TĂNG	TĂNG	26.75	26.28	1.31%		24.00	24.58	12.92%	
KSB	18.60	TĂNG	GIẢM	17.75	15.57	4.79%			19.42		
LCG	8.20	TĂNG	GIẢM	8.54	7.76	-3.98%			8.76		
LDG	9.15	TĂNG	GIẢM	9.15	9.15	0.00%	MUA		10.22		
LHG	15.60	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89		
LPB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.70				8.13		
MBB	21.80	GIẢM	GIẢM		22.13			21.85	21.83	-0.10%	BÁN
MPC	21.20	TĂNG	GIẢM	20.10	19.76	5.47%			23.55		
MSN	58.00	GIẢM	GIẢM		60.54				72.99		
MSR	14.00	GIẢM	GIẢM		14.63				16.67		
MWG	113.00	TĂNG	GIẢM	113.40	108.56	-0.35%			122.49		
NDN	17.20	TĂNG	TĂNG	17.40	16.44	-1.15%		13.70	16.27	25.55%	
NKG	7.11	TĂNG	TĂNG	6.50	6.66	9.38%		7.11	6.45	0.00%	MUA
NLG	27.35	GIẢM	TĂNG		27.78			28.70	26.30	-4.70%	
NT2	22.40	GIẢM	GIẢM		22.93				24.05		
NTL	24.15	TĂNG	GIẢM	24.40	23.09	-1.02%			24.88		

We Create Fortune

NVL	55.00	GIẢM	GIẢM		57.50				60.82		
OIL	9.10	GIẢM	GIẢM		9.61				10.77		
PAC	25.65	TĂNG	GIẢM	25.80	24.79	-0.58%			27.90		
PC1	17.70	GIẢM	GIẢM		18.60				20.48		
PDR	27.65	TĂNG	TĂNG	26.40	27.19	4.73%		29.00	25.39	-4.66%	
PHR	51.80	GIẢM	GIẢM		55.23				63.14		
PLX	55.40	GIẢM	GIẢM		57.05				61.28		
PNJ	83.50	TĂNG	TĂNG	82.80	81.52	0.85%		77.07	78.71	8.34%	
POW	12.35	GIẢM	GIẢM		12.93				13.98		
PVT	16.75	GIẢM	TĂNG		17.18			18.30	16.28	-8.47%	
PPC	29.30	TĂNG	TĂNG	28.30	27.35	3.53%		28.40	24.50	3.17%	
PTB	72.70	GIẢM	TĂNG		74.74			64.00	68.51	13.59%	
PVB	18.50	GIẢM	GIẢM		19.39			19.42	18.62	-4.13%	BÁN
PVD	14.85	GIẢM	GIẢM		15.20				17.08		
PVI	31.40	GIẢM	GIẢM		31.97				34.22		
PVS	17.40	GIẢM	GIẢM		17.79				19.30		
PXS	5.45	GIẢM	TĂNG		5.70			6.20	4.88	-12.10%	
QNS	29.50	GIẢM	TĂNG		30.09			33.80	28.38	-12.72%	
REE	36.50	GIẢM	TĂNG		37.19			33.33	35.23	9.53%	
SAB	233.20	GIẢM	GIẢM		240.04				255.47		
SAM	8.20	TĂNG	TĂNG	8.15	7.85	0.61%		7.40	7.58	10.81%	
SCR	6.27	TĂNG	TĂNG	6.10	5.97	2.79%		6.33	5.40	-0.95%	
SHI	9.08	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	29.90%	
SJS	16.55	GIẢM	GIẢM		16.92				16.88		
SKG	11.10	GIẢM	GIẢM		11.31				11.70		
SSI	19.20	GIẢM	GIẢM		19.78				21.51		
STB	10.05	GIẢM	GIẢM		10.28				10.82		
TCB	23.15	TĂNG	GIẢM	23.45	22.36	-1.28%			25.07		
TCM	19.95	TĂNG	GIẢM	19.95	19.94	0.00%	MUA		22.29		
TDH	10.10	TĂNG	GIẢM	10.25	9.92	-1.46%			11.11		
TLH	4.29	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.67%			4.43		
TNG	15.10	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	0.00%			16.69		
VCB	88.40	TĂNG	TĂNG	87.50	83.63	1.03%		62.00	84.02	42.58%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.60	-0.37%		19.20	25.35	40.10%	
VCS	83.00	TĂNG	GIẢM	83.10	78.36	-0.12%			91.56		
VGC	18.25	GIẢM	GIẢM		18.65				19.68		
VGT	8.30	TĂNG	GIẢM	8.50	7.93	-2.35%			8.95		
VHC	78.40	TĂNG	GIẢM	78.40	77.42	0.00%			83.84		
VHM	89.10	GIẢM	GIẢM		94.14			90.20	89.66	-0.60%	BÁN

We Create Fortune

VIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.34			17.70	16.56	-4.52%	
VIC	116.00	GIẢM	TĂNG		117.72			112.00	113.76	3.57%	
VIP	5.04	GIẢM	GIẢM		5.09				5.30		
VJC	144.50	TĂNG	TĂNG	139.40	143.73	3.66%		124.50	138.01	16.06%	
VND	14.35	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	1.77%			14.88		
VNG	20.45	GIẢM	GIẢM		21.57				22.24		
VNM	118.00	GIẢM	GIẢM		121.35				128.87		
VPB	19.65	GIẢM	GIẢM		19.96				21.37		
VPI	41.45	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	0.36%	
VRC	23.10	TĂNG	TĂNG	16.05	22.28	43.93%		17.30	20.63	33.53%	
VRE	33.55	GIẢM	TĂNG	35.20	33.81	-3.95%	BÁN	35.05	32.08	-4.28%	
VSC	25.60	TĂNG	GIẢM	25.45	24.37	0.59%			26.67		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.20	GIẢM	TĂNG		23.64			24.00	22.57	-3.33%	
BID	41.90	TĂNG	TĂNG	41.90	41.27	0.00%	MUA	33.40	38.49	25.45%	
BSR	8.80	GIẢM	GIẢM		9.28				10.51		
BVH	68.00	GIẢM	GIẢM		68.30				74.17		
CTG	20.60	TĂNG	GIẢM	20.60	20.55	0.00%	MUA		21.78		
FPT	57.10	TĂNG	TĂNG	57.00	54.68	0.18%		40.23	54.99	41.95%	
GAS	98.00	GIẢM	GIẢM		101.74				108.03		
GEX	19.75	GIẢM	GIẢM		20.48				21.53		
GVR	12.50	GIẢM	N/A		13.07				N/A		
HDB	27.95	TĂNG	GIẢM	27.30	26.69	2.38%			29.49		
HNG	14.25	GIẢM	GIẢM		14.94				15.88		
HPG	23.80	TĂNG	TĂNG	23.45	23.39	1.49%		23.85	21.17	-0.21%	
HVN	34.60	GIẢM	GIẢM		35.30				36.93		
KDH	27.10	TĂNG	TĂNG	26.75	26.28	1.31%		24.00	24.58	12.92%	
MBB	21.80	GIẢM	GIẢM		22.13			19.72	21.83	10.69%	BÁN
MSN	58.00	GIẢM	GIẢM		60.54				72.99		
MWG	113.00	TĂNG	GIẢM	113.40	108.56	-0.35%			122.49		
NVL	55.00	GIẢM	GIẢM		57.50				60.82		
OIL	9.10	GIẢM	GIẢM		9.61				10.77		
PLX	55.40	GIẢM	GIẢM		57.05				61.28		
PNJ	83.50	TĂNG	TĂNG	82.80	81.52	0.85%		77.07	78.71	8.34%	



We Create Fortune

POW	12.35	GIẢM	GIẢM		12.93				13.98		
QNS	29.50	GIẢM	TĂNG		30.09			33.26	28.38	-11.30%	
REE	36.50	GIẢM	TĂNG		37.19			33.33	35.23	9.53%	
ROS	24.10	GIẢM	GIẢM		25.21				26.94		
SBT	18.50	GIẢM	TĂNG		18.78			17.50	17.46	5.71%	
SSI	19.20	GIẢM	GIẢM		19.78				21.51		
STB	10.05	GIẢM	GIẢM		10.28				10.82		
TCB	23.15	TĂNG	GIẢM	23.45	22.36	-1.28%			25.07		
TPB	21.00	GIẢM	GIẢM		21.71				23.94		
VCB	88.40	TĂNG	TĂNG	87.50	83.63	1.03%		62.00	84.02	42.58%	
VCG	26.90	TĂNG	TĂNG	27.00	26.60	-0.37%		18.44	25.35	45.87%	
VCS	83.00	TĂNG	GIẢM	83.10	78.36	-0.12%			91.56		
VEA	49.60	GIẢM	GIẢM		49.93				59.45		
VGI	26.50	TĂNG	N/A	26.80	24.45	-1.12%			N/A		
VHM	89.10	GIẢM	GIẢM		94.14			89.13	89.66	0.60%	BÁN
VIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.34			15.00	16.56	12.63%	
VIC	116.00	GIẢM	TĂNG		117.72			112.00	113.76	3.57%	
VJC	144.50	TĂNG	TĂNG	139.40	143.73	3.66%		124.50	138.01	16.06%	
VNM	118.00	GIẢM	GIẢM		121.35				128.87		
VPB	19.65	GIẢM	GIẢM		19.96				21.37		
VRE	33.55	GIẢM	TĂNG	35.20	33.81	-3.95%	BÁN	35.05	32.08	-4.28%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.10	GIẢM	GIẢM		14.47				15.40		
ANV	23.00	TĂNG	GIẢM	22.95	20.96	0.22%			25.91		
ASM	6.71	TĂNG	GIẢM	6.71	6.57	0.00%	MUA		7.24		
BMI	25.15	GIẢM	TĂNG		26.12			26.70	23.99	-5.81%	
BMP	47.90	TĂNG	TĂNG	49.00	45.67	-2.24%		48.30	46.42	-0.83%	
BWE	24.85	TĂNG	GIẢM	25.10	23.62	-1.00%			25.84		
CEO	9.30	TĂNG	GIẢM	9.30	9.09	0.00%	MUA		9.80		
CII	22.75	GIẢM	TĂNG		23.82			24.45	22.23	-6.95%	
CRE	24.00	GIẢM	GIẢM		24.37				25.03		
CTI	22.00	GIẢM	GIẢM		22.86				24.52		
CTR	43.90	TĂNG	GIẢM	43.30	40.00	1.39%			51.29		
D2D	78.20	GIẢM	TĂNG		80.66			83.10	73.17	-5.90%	



We Create Fortune

DBD	57.00	GIẢM	TĂNG		60.58			38.65	54.36	47.47%	
DCM	6.60	GIẢM	GIẢM		6.78				7.30		
DGW	23.80	GIẢM	GIẢM		24.40				25.88		
DHC	39.30	GIẢM	TĂNG		43.50			37.70	36.98	4.24%	
DIG	13.70	TĂNG	GIẢM	13.70	13.03	0.00%			14.69		
DPG	44.40	GIẢM	GIẢM		46.01				50.61		
DPM	13.30	GIẢM	GIẢM		13.47				14.36		
DRC	22.95	TĂNG	TĂNG	23.30	22.63	-1.50%		21.60	21.25	6.25%	
DXG	14.30	GIẢM	GIẢM		14.60				16.12		
E1VFN30	14.80	GIẢM	GIẢM		14.94				15.57		
FCN	10.25	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FLC	4.54	TĂNG	TĂNG	4.61	4.31	-1.52%		4.63	4.02	-1.94%	
GEG	26.50	GIẢM	TĂNG		27.68			12.50	25.77	111.96%	
GMD	23.60	TĂNG	GIẢM	23.60	23.60	0.00%	MUA		25.34		
GTN	21.40	TĂNG	TĂNG	21.70	21.06	-1.38%		15.00	18.98	42.67%	
HAG	3.95	TĂNG	GIẢM	3.86	3.80	2.33%			4.22		
HBC	11.10	GIẢM	GIẢM		11.61				12.77		
HCM	22.85	GIẢM	TĂNG		24.17			23.40	22.58	-2.35%	
HDC	22.50	GIẢM	TĂNG		22.73			15.25	20.25	47.54%	
HDG	32.90	TĂNG	GIẢM	32.95	31.04	-0.15%			35.72		
HPX	26.45	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-3.82%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.38	TĂNG	TĂNG	8.40	7.88	-0.24%		7.75	6.98	8.13%	
HT1	15.45	TĂNG	TĂNG	15.25	14.53	1.31%		16.90	13.91	-8.58%	
HTM	16.20	TĂNG	GIẢM	16.00	15.26	1.25%			18.47		
IBC	20.20	GIẢM	GIẢM		20.70				21.22		
IDI	5.27	GIẢM	GIẢM		5.31				5.89		
IJC	14.35	GIẢM	TĂNG		14.50			13.10	12.68	9.54%	
ITA	2.70	GIẢM	GIẢM		2.86				3.30		
KBC	14.70	GIẢM	TĂNG		15.08			14.85	14.00	-0.99%	
KDC	19.00	GIẢM	TĂNG		20.00			20.82	18.08	-8.72%	
KOS	28.40	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	5.97%		26.30	25.20	7.98%	
KSB	18.60	TĂNG	GIẢM	17.75	15.57	4.79%			19.42		
LDG	9.15	TĂNG	GIẢM	9.15	9.15	0.00%	MUA		10.22		
LPB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.70				8.13		
MBG	24.30	GIẢM	GIẢM		37.21				47.45		
MBS	15.30	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	4.08%			15.75		
MPC	21.20	TĂNG	GIẢM	20.10	19.76	5.47%			23.55		
NBB	20.65	GIẢM	GIẢM		21.36				22.02		

We Create Fortune

NKG	7.11	TĂNG	TĂNG	6.50	6.66	9.38%		7.11	6.45	0.00%	MUA
NLG	27.35	GIẢM	TĂNG		27.78			26.28	26.30	4.07%	
NT2	22.40	GIẢM	GIẢM		22.93				24.05		
NTL	24.15	TĂNG	GIẢM	24.40	23.09	-1.02%			24.88		
NVB	9.70	TĂNG	TĂNG	7.60	8.99	27.63%		8.50	8.20	14.12%	
OGC	3.70	TĂNG	GIẢM	3.75	3.51	-1.33%			4.07		
PC1	17.70	GIẢM	GIẢM		18.60				20.48		
PDR	27.65	TĂNG	TĂNG	26.40	27.19	4.73%		23.59	25.39	17.19%	
PHR	51.80	GIẢM	GIẢM		55.23				63.14		
PPC	29.30	TĂNG	TĂNG	28.30	27.35	3.53%		28.40	24.50	3.17%	
PTB	72.70	GIẢM	TĂNG		74.74			60.78	68.51	19.61%	
PVD	14.85	GIẢM	GIẢM		15.20				17.08		
PVI	31.40	GIẢM	GIẢM		31.97				34.22		
PVS	17.40	GIẢM	GIẢM		17.79				19.30		
PVT	16.75	GIẢM	TĂNG		17.18			17.31	16.28	-3.21%	
QCG	4.17	GIẢM	GIẢM		4.38				4.86		
SCR	6.27	TĂNG	TĂNG	6.10	5.97	2.79%		6.33	5.40	-0.95%	
SGP	7.50	GIẢM	GIẢM		8.00				9.75		
SHB	6.00	GIẢM	GIẢM		6.33				6.73		
SHS	7.80	GIẢM	TĂNG		8.06			8.40	7.36	-7.14%	
SZC	17.00	GIẢM	#N/A		17.40				#N/A		
TCH	29.60	TĂNG	TĂNG	23.30	27.90	27.04%		26.15	25.35	13.19%	
TCM	19.95	TĂNG	GIẢM	19.95	19.94	0.00%	MUA		22.29		
TDH	10.10	TĂNG	GIẢM	10.25	9.92	-1.46%			11.11		
TNG	15.10	TĂNG	GIẢM	15.10	14.47	0.00%			16.69		
TTB	4.63	GIẢM	GIẢM		6.25				9.73		
VGC	18.25	GIẢM	GIẢM		18.65				19.68		
VGT	8.30	TĂNG	GIẢM	8.50	7.93	-2.35%			8.95		
VHC	78.40	TĂNG	GIẢM	78.40	77.42	0.00%			83.84		
VND	14.35	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	1.77%			14.88		
VNG	20.45	GIẢM	GIẢM		21.57				22.24		
VPI	41.45	GIẢM	TĂNG		42.10			41.30	39.68	0.36%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.30	GIẢM	GIẢM		8.72				9.44		

We Create Fortune

AGR	3.40	GIẢM	GIẢM		3.61			4.20		
AMD	2.65	TĂNG	TĂNG	1.77	2.21	49.72%		1.70	1.60	55.88%
APG	9.97	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	13.81%		9.90	8.56	0.71%
ART	2.60	TĂNG	TĂNG	2.00	1.99	30.00%		2.30	1.54	13.04%
BCG	8.26	GIẢM	TĂNG		8.75			6.39	7.47	29.26%
C4G	6.20	TĂNG	GIẢM	6.20	5.82	0.00%	MUA		6.98	
C69	9.00	GIẢM	GIẢM		10.63				17.51	
CCL	7.59	TĂNG	TĂNG	6.80	6.91	11.62%		7.88	5.58	-3.68%
CVT	20.75	GIẢM	GIẢM		21.33				22.85	
DAH	9.80	TĂNG	GIẢM	9.99	9.51	-1.90%			11.27	
DLG	1.50	GIẢM	GIẢM		1.58				1.65	
DRH	4.67	GIẢM	GIẢM		4.81				5.83	
DTD	10.30	GIẢM	GIẢM		11.03				13.70	
EVG	2.65	GIẢM	GIẢM		2.78				2.90	
FIT	7.55	TĂNG	TĂNG	4.49	6.49	68.15%		3.64	4.64	107.42%
FTM	2.52	GIẢM	GIẢM		2.91				4.98	
FUES SV50	12.80	GIẢM	GIẢM		12.86				13.26	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.91	0.67%			15.51	
HAH	12.10	GIẢM	GIẢM		12.89				14.16	
HAI	3.86	TĂNG	TĂNG	1.69	3.16	128.40%		1.88	2.21	105.32%
HAR	4.71	TĂNG	TĂNG	4.08	3.98	15.44%		3.90	3.28	20.77%
HDA	10.50	GIẢM	GIẢM		11.07				11.79	
HHP	11.70	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-4.10%			13.24	
HHS	3.21	GIẢM	TĂNG		3.27			3.36	2.94	-4.46%
HID	2.19	GIẢM	TĂNG		2.27			2.63	2.16	-16.73%
HII	10.20	TĂNG	GIẢM	10.20	10.14	0.00%	MUA		11.16	
HQC	0.99	GIẢM	GIẢM		1.02				1.12	
HSL	8.10	TĂNG	GIẢM	8.12	7.50	-0.25%			8.77	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71	
HVG	8.52	TĂNG	TĂNG	7.82	7.83	8.95%		3.90	6.61	118.46%
HVH	17.30	GIẢM	GIẢM		17.86				20.24	
IDJ	6.80	GIẢM	TĂNG		7.37			7.20	5.42	-5.56%
JVC	3.76	GIẢM	GIẢM		4.31				4.75	
KLF	1.60	TĂNG	TĂNG	1.40	1.19	14.29%		1.50	0.95	6.67%
LCG	8.20	TĂNG	GIẢM	8.54	7.76	-3.98%			8.76	
LGL	8.70	GIẢM	TĂNG		9.31			7.11	8.39	22.31%
LHG	15.60	GIẢM	GIẢM		15.65				16.89	
LMH	11.65	GIẢM	#N/A		12.30				#N/A	

We Create Fortune

MST	5.30	TĂNG	TĂNG	3.80	4.79	39.47%		3.40	4.08	55.88%	
NDN	17.20	TĂNG	TĂNG	17.40	16.44	-1.15%		13.10	16.27	31.25%	
PHC	11.00	GIẢM	GIẢM		11.46			12.20	11.21	-8.08%	BÁN
PLP	9.95	GIẢM	GIẢM		10.28				11.39		
PVB	18.50	GIẢM	GIẢM		19.39			19.42	18.62	-4.13%	BÁN
PVC	7.00	GIẢM	TĂNG		7.29			6.70	6.66	4.48%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.34				1.46		
PXL	7.80	GIẢM	TĂNG		8.19			6.70	6.64	16.42%	
SHI	9.08	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	57.50%	
SJF	2.22	GIẢM	GIẢM		2.35				2.79		
SPP	1.90	GIẢM	GIẢM		2.18				2.70		
TDC	8.15	GIẢM	GIẢM		8.44				9.13		
TIG	6.70	TĂNG	TĂNG	6.20	6.35	8.06%		3.20	5.49	109.38%	
TLH	4.29	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.67%			4.43		
TNA	25.40	TĂNG	TĂNG	13.70	23.81	85.40%		11.45	21.09	121.81%	
TNI	10.85	TĂNG	TĂNG	10.20	10.55	6.37%		10.90	9.89	-0.46%	
TSC	3.13	TĂNG	GIẢM	2.95	2.71	6.10%			3.45		
TTF	2.57	GIẢM	GIẢM		2.73				3.20		
TTH	2.60	GIẢM	GIẢM		2.78				3.03		
TVC	16.60	TĂNG	TĂNG	16.90	16.46	-1.78%		14.30	14.73	16.08%	
VC3	17.00	GIẢM	TĂNG		17.32			22.00	16.32	-22.73%	
VCR	13.70	TĂNG	GIẢM	14.60	13.05	-6.16%			19.21		
VNA	3.40	GIẢM	GIẢM		3.93				5.14		
VNE	3.60	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	23.10	TĂNG	TĂNG	16.05	22.28	43.93%		17.30	20.63	33.53%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	966.18	-0.21%	HNI	102.94	0.22%	UPCoM	55.73	0.38%
VN30	880.55	-0.48%	HN30	181.4	0.27%			
VN Mid	941.6	-0.33%	VNX					
VN Small	792.08	0.09%	AllSh	851.05	-0.57%			

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	415.58		Mua	2.22		Mua	44.13	
Bán	399.97		Bán	18.44		Bán	42.29	
GT ròng	15.6		GT ròng	-16.22		GT ròng	1.84	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VNS	670	6.85%	CSC	3000	7.52%	VAV	6700	14.50%
HAI	240	6.63%	CEO	500	5.68%	C4G	700	12.73%
FIT	440	6.19%	HUT	100	4.17%	TBD	9800	9.59%
ASM	310	4.84%	TNG	200	1.34%	PXL	400	5.41%
KSB	850	4.79%	VC3	200	1.19%	VEA	1500	3.12%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BFC	-800	-6.25%	MBG	-2700	-10.00%	VGI	-400	-1.49%
SCS	-5800	-4.42%	PLC	-1100	-9.32%	MPC	-300	-1.40%
DHC	-1700	-4.15%	TAR	-1300	-4.19%	SDI	-800	-0.70%
GTN	-800	-3.60%	TIG	-100	-1.47%	VTP	-800	-0.70%
VRE	-1200	-3.45%	NDN	-200	-1.15%	CTR	-200	-0.45%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	390,755		ACB	38,100		ACV	162,857	
VCB	324,527		VCS	13,408		VGI	81,854	
VHM	305,476		VCG	11,970		VEA	63,909	
VNM	207,572		PVS	8,317		MCH	50,774	
GAS	187,376		PVI	7,280		GVR	49,260	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	34,761,060	34,211,100	NVB	4,637,000	2,523,210	KSH	1,746,410	160,953
EIB	15,750,130	1,409,856	ART	4,384,233	981,246	OIL	1,728,100	466,390
HAI	11,140,720	4,483,948	AMV	3,518,289	883,717	VEA	1,128,507	280,168
AMD	9,588,640	3,650,755	CTC	2,684,984	114,381	BSR	1,055,140	1,965,967
HPG	9,476,390	7,317,762	KLF	2,498,745	997,416	SWC	824,000	91,510

Nguồn: Bloomberg & YSVN

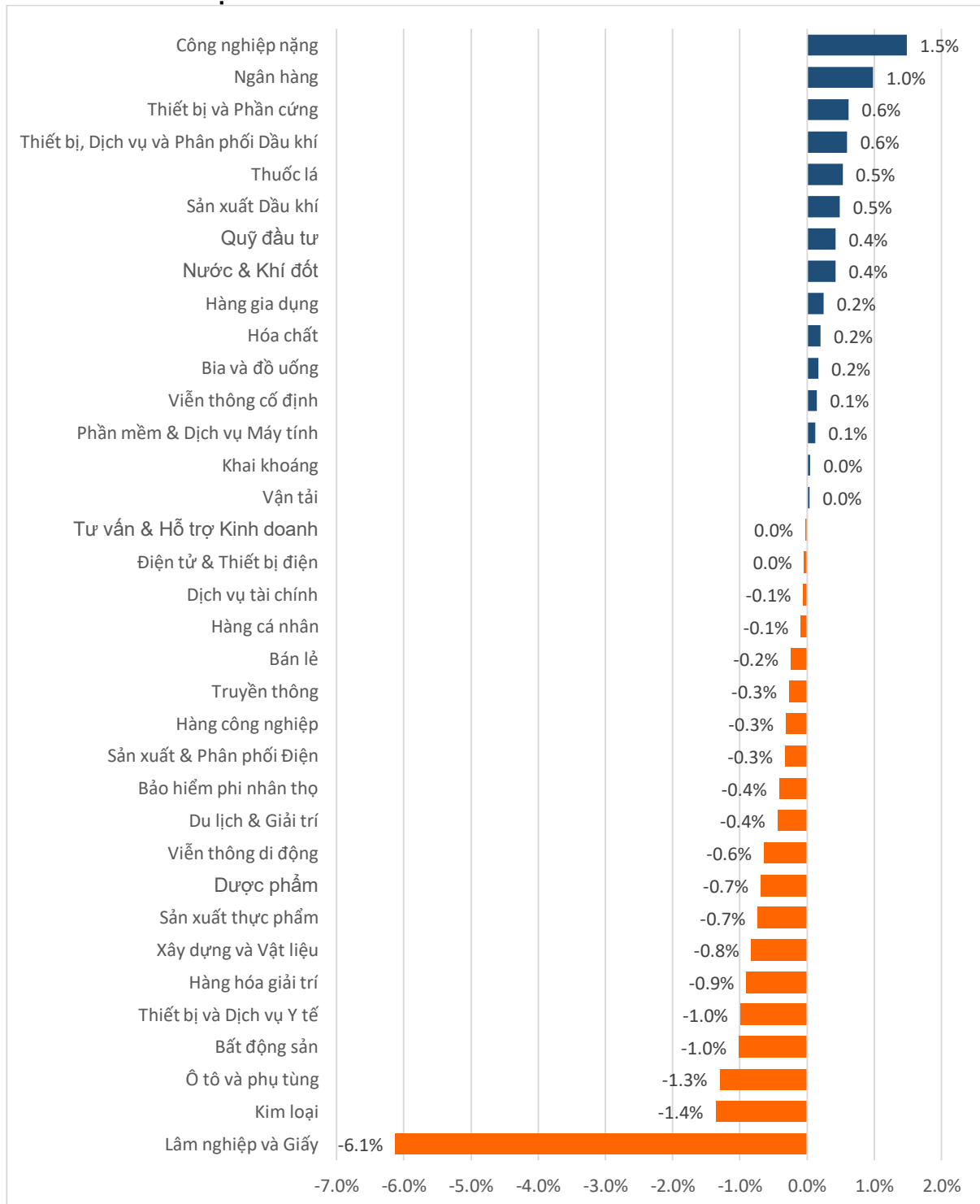
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



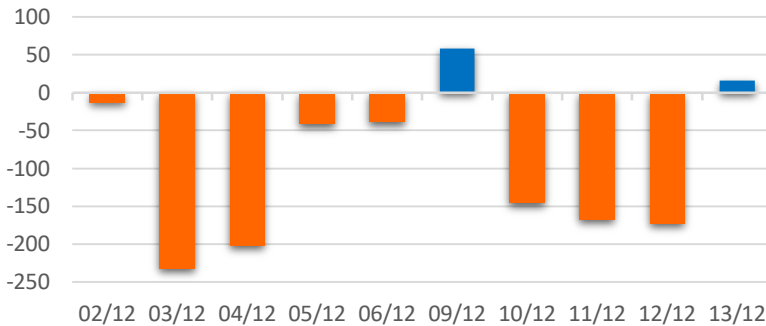
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

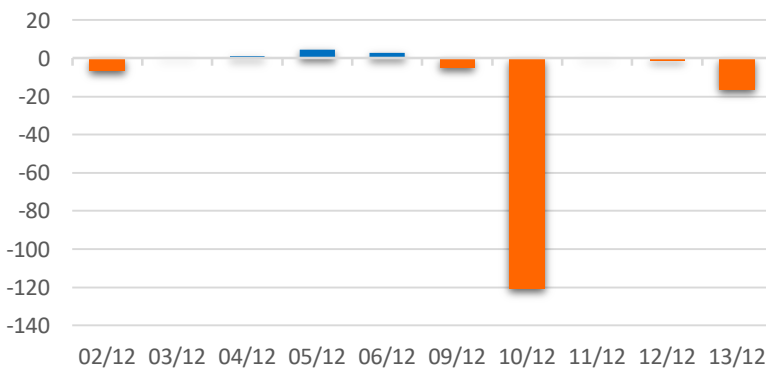
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	56,245	HPG	38,637
CTG	40,718	VHM	12,042
ROS	23,492	MSN	11,195
VCB	19,131	VIC	8,232
BID	13,889	GAS	6,512

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

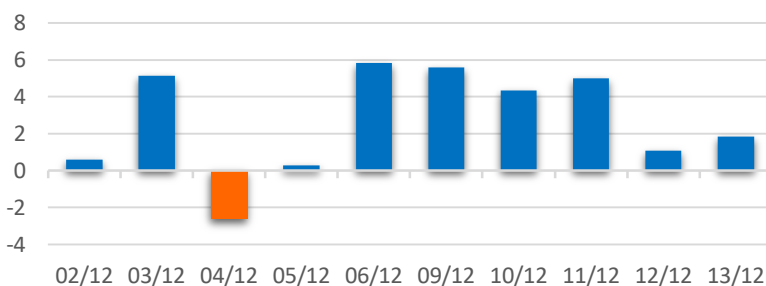
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCS	1,468	PLC	9,270
SLS	95	PVS	4,020
AMV	81	SHB	2,263
LAS	77	HUT	1,651
TA9	71	INN	397

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	2,815	VEA	3,049
LPB	2,028	ACV	2,509
QNS	1,401	HND	2,445
GVR	855	BSR	2,203
SKH	134	OIL	662

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



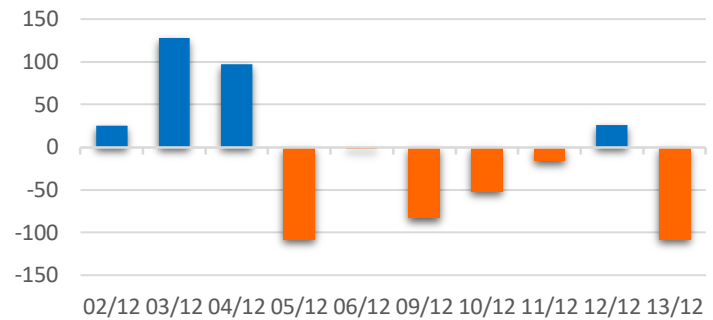
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

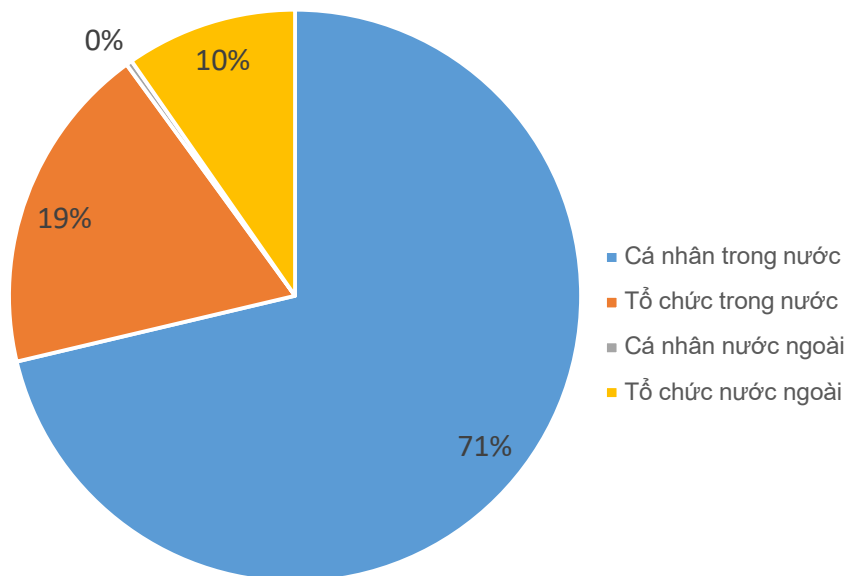
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	11,352	LIX	71,606
MWG	11,165	E1VFN30	56,467
HPG	8,571	MWG	10,475
MBB	7,998	FPT	6,452
BVH	4,116	MBB	5,866

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

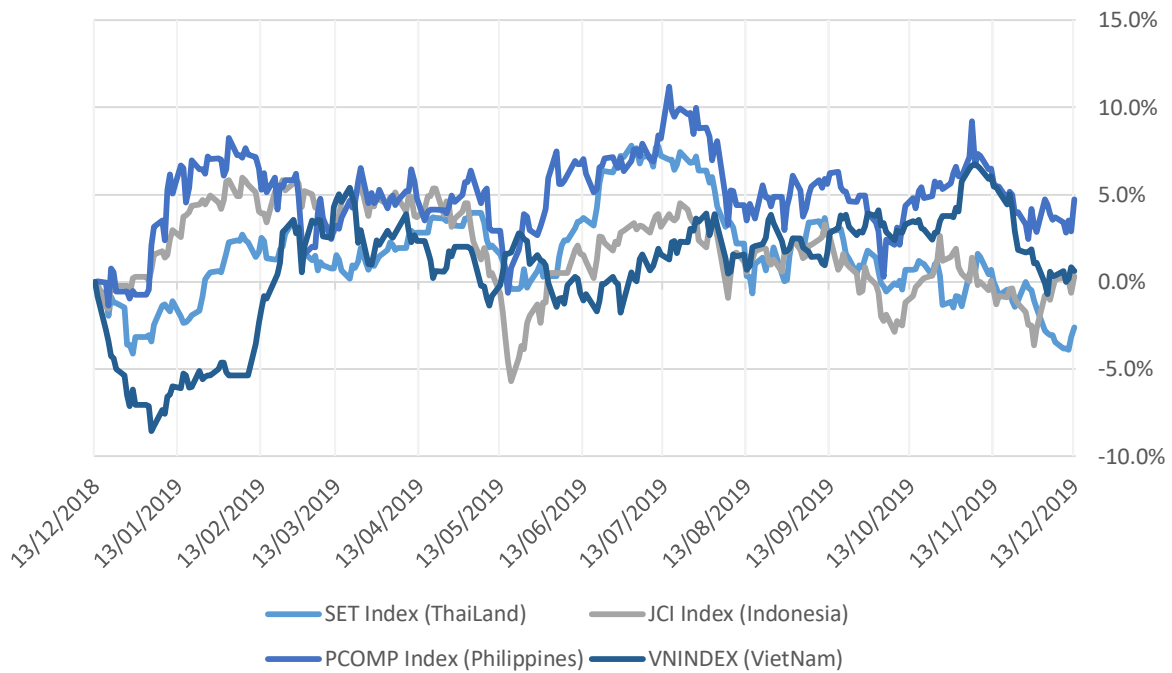


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

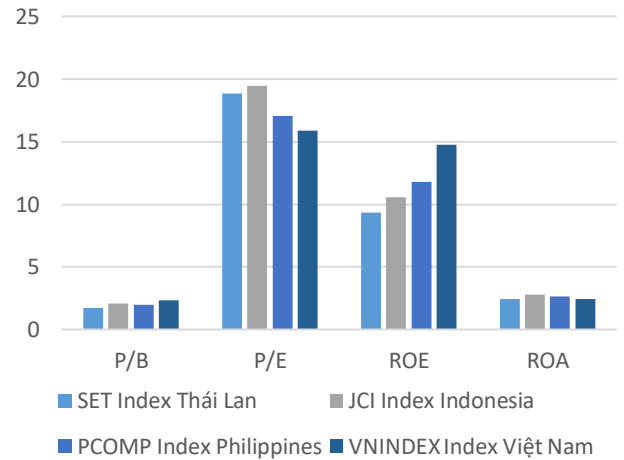
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		18.8x	19.5x	17.1x	15.9x
ROE	%	9.31	10.58	11.79	14.74
ROA	%	2.42	2.78	2.66	2.42
Vốn hóa	Tỷ USD	548.22	507.27	190.26	142.68
GTGD	Triệu USD	1.59	0.39	0.10	0.12
LS cổ tức	%	3.22	2.44	1.58	2.00

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written